TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2018
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Lê Thụy

2. Ông Nguyễn Nam Tiến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: ông Thanh Lê Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 140/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2018/QĐST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Xuân A, sinh năm 1986

Địa chỉ: số 148/13 đường Phạm Ngọc B, tổ dân phố 33, thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: ông Ngô Đông C, sinh năm 1983

Địa chỉ: số 148/13 đường Phạm Ngọc B, tổ dân phố 33, thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Ngô Đông C tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn U, huyện W vào năm 2015. Hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng ông bà. Sau khi cưới ông C về nhà mẹ bà cùng sinh sống. Cuộc sống vợ chồng của bà lúc đầu rất hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông C thường xuyên cờ bạc, không chăm lo cho gia đình và vợ con. Bà và gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng ông C vẫn không thay đổi. Vào khoảng tháng 7 năm 2017, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà và ông C đã bắt đầu sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, bà thấy rằng đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mẫu thuẫn đã quá trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: bà A và ông C có 02 người con chung là Ngô Xuân D sinh năm 2014 và Ngô Xuân E sinh năm 2016 hiện nay đang ở cùng với bà A. Bà A xin nhận nuôi 02 con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Ngô Đông C: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Ngô Đông C theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông C vẫn cố tình vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay ông C cũng vắng mặt.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân A và ông Ngô Đông C, đề nghị Hội đồng xét xử giao hai cháu Ngô Xuân D sinh năm 2014 và Ngô Xuân E sinh năm 2016 cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình, giải quyết vụ án, ông Ngô Đông C không thực hiện theo các giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại tại các phiên họp, phiên hòa giải mà không có lý do chính đáng. Qua xác minh, Tòa án xác định địa chỉ của ông C mà nguyên đơn cung cấp là đúng với thực tế và đã tiến hành việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172;

khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông C nhưng do ông C vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông C được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND thị trấn U cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 288 vào năm 2015. Theo các chứng cứ thu thập được thì trong quá trình chung sống, ông C có tính ham mê cờ bạc dẫn tới thiếu trách nhiệm với vợ con, gia đình, không cùng chung tay với bà A trong việc chăm sóc, giáo dục con chung. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc và thường xuyên mâu thuẫn nên ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng của bà A và ông C không còn nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A đối với ông C.

[3] Về con chung: bà A và ông C có 02 người con chung là Ngô Xuân D sinh ngày 07/11/2014 và Ngô Xuân E sinh 18/01/2016 hiện nay đang ở cùng với bà A. Bà A có nguyện vọng được nhận nuôi các con và không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà A là chính đáng nên chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà A là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân A đối với ông Ngô Đông C, bà A được ly hôn với ông C.

2/ Về con chung: Giao cho bà A tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung là Ngô Xuân D sinh ngày 7/11/2014 và Ngô Xuân E sinh ngày 07/11/2016 cho đến khi các con thành niên có khả năng tự lao động và có tài sản để tự nuôi bản thân, bà A không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Bà A không được ngăn cản ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0019090 ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà A đã nộp đủ án phí.

4/ Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/8/2018), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn U;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Quốc Trí